TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 128 /2024/DS – ST.
Ngày: 05-9-2024
V/V tranh chấp về đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Bà Ngô Thị Thúy Hảo

2.Ông Nguyễn Anh Đắc

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 736/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp về đòi tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXX- ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2024/QĐHPT-DSST ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ E, Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Chung cư E, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn***: Ông Huỳnh Chí Đông H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ E, Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn- ông Trần Ngọc V và người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Kim Q trình bày:*

Ngày 07-11-2020, ông Huỳnh Chí Đông H có nhận của ông Trần Ngọc V số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng với mục đích là vừa cho mượn và vừa lo

công việc cho ông V (ông V và vợ đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung nên ông V có nhờ ông H lo dịch vụ hoàn thành toàn bộ hồ sơ vụ kiện tranh chấp tài sản chưa chia sau ly hôn với bà H1 tại Tòa án).

Ngày 08-12-2020, ông H lại tiếp tục nhận của ông V số tiền 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng, mục đích là lo việc giải quyết tranh chấp tài sản chưa chia sau ly hôn giữa ông V với bà H1 tại Tòa án.Tổng số tiền ông V đưa cho ông H là 132.000.000đồng.Việc ông V đưa tiền cho ông H có giấy biên nhận kèm theo.

Sau hơn hai năm, ông V liên hệ với Tòa án thì được biết ông H chưa nộp hồ sơ, ông V liên hệ với ông H để đòi lại số tiền đã đưa nhưng không được. Xét thấy quyền lợi của ông V bị xâm phạm nên ông yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Chí Đông H phải trả số tiền 132.000.000(Một trăm ba mươi hai triệu) đồng mà ông V đã đưa cho ông H.Chứng cứ kèm theo là giấy biên nhận số tiền 132.000.000đồng mà ông H đã nhận của ông.Ông V xác nhận Giấy cam kết ngày 04-01-2020, ông H nộp cho Tòa án chữ ký, chữ viết Trần Ngọc V là đúng của ông. Số tiền này không phải là tiền vay nợ như ông H trình bày, thực chất ông viết giấy cam kết này, ông sẽ trả số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng là tiền dịch vụ sau khi xử lý xong vụ kiện tranh chấp tài sản sau ly hôn của ông với bà H1 nhưng trong một thời gian dài kể từ khi nhận số tiền 132.000.000đồng, ông H không làm bất cứ việc gì nên ông không có nghĩa vụ phải trả.

2* *Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Bị đơn ông Huỳnh Chí Đông H trình bày:*

Ông H xác nhận có nhận của ông Trần Ngọc V hai lần với tổng số tiền là 132.000.000đồng. Lần 1 vào ngày 07-11-2020 ông H nhận của ông V số tiền 60.000.000đồng; Lần 2 vào ngày 08-12-2020 nhận số tiền 72.000.000 đồng. Số tiền này ông H nhận với mục đích lo giải quyết vụ chia tài sản chung giữa ông V và bà H1, nhưng trước đó ông V có mượn ông H số tiền nhiều lần với tổng cộng là 300.000.000đồng. Số tiền này được ông H đưa nhiều lần, có lần tại nhà, có lần tại quán cà phê và nhiều lần chuyển khoản cho người khác. Tại nhà và quán cà phê, ông không lập giấy biên nhận nhưng chuyển khoản thì ông sẽ sao kê tài khoản nộp cho Tòa án. Sau khi nhận tiền của ông V, ông nói với ông V vì ông V còn nợ ông tiền nên số tiền này một phần trả cho ông và ông cũng đã giới thiệu luật sư để luật sư tư vấn cho ông V.

Số tiền 300.000.000đồng là số tiền ông ứng ra cho ông V trả nợ tiền vay riêng, do ông V không có tiền trả và ông V nói với ông để vụ án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn xong, ông V sẽ trả số tiền đó cho ông nên ông V đã viết giấy cam kết ngày 04-01-2020.

3.Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

3.1.*Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

3.2.*Về nội dung*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự đã đủ cơ sở kết luận, ông Huỳnh Chí Đông H nhận của ông Trần Ngọc V tổng số tiền 132.000.000đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V, buộc ông H phải có nghĩa vụ thành toán số tiền 132.000.000đồng cho ông V. Đối với số tiền 300.000.000đồng, ông H không yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu chứng cứ nên không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và cam kết không còn chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về tố tụng:*

Ông Trần Ngọc V khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Chí Đông H trả số tiền đã nhận theo giấy biên nhận ngày 07-11-2020. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp " Đòi tài sản". Bị đơn, ông H có địa chỉ tại thành phố V nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Số tiền này cả ông V và ông H xác nhận là tiền dịch vụ để lo giải quyết tranh chấp tài sản chung chưa chia sau ly hôn giữa ông V với bà H1, không phải là tiền vay. Ông V xác nhận là chỉ đưa tiền cho ông H, ông H cũng xác nhận chỉ mình ông là người nhận tiền nên Hội đồng xét xử xác định vợ ông H không có liên quan trong vụ án này nên không đưa vợ ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2.]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:*

Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận ngày 07-11-2020 và ngày 08-12-2020,ông Huỳnh Chí Đông H có nhận của ông Trần Ngọc V tổng số tiền 132.000.000 (Một trăm ba mươi hai triệu) đồng.(Lần 1: 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng; Lần 2: 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng, có giấy biên nhận kèm theo), mục đích là lo việc giải quyết tranh chấp tài sản chung chưa chia sau ly hôn

giữa ông V với bà H1 tại Tòa án, nên được xem xét là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi nhận tiền, ông H không thực hiện công việc mà giữa ông V và ông H đã thỏa thuận, ông H không trả lại số tiền đã nhận cho ông V, gây thiệt hại cho ông V. Căn cứ Điền 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V buộc ông Huỳnh Chí Đông H phải có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền đã nhận 132.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cung cấp cho Tòa án Giấy cam kết ngày 04-01-2020, trong đó có nội dung: "Ông V cam kết sẽ trả lại số tiền 300.000.000(Ba trăm triệu) đồng cho ông Huỳnh Chí Đông H, sau khi xử lý xong vụ kiện tranh chấp tài sản chung sau ly hôn." Ông H cho rằng, số tiền 300.000.000đồng này là tiền ông H cho ông Vũ M làm nhiều lần và ở những nơi khác nhau như quán cà phê, tại nhà và chuyển khoản.Tuy nhiên, trong một thời gian dài kể từ ngày 21-3-2024 là ngày ông H lên làm việc cho đến nay đã hơn 04 tháng nhưng ông H không có đơn yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như địa chỉ những người làm chứng cho Tòa án theo như lời trình bày của ông. Ông V không thừa nhận số tiền này là tiền vay mà là số tiền dịch vụ sau khi ông H thực hiện xong vụ kiện chia tài sản sau ly hôn giữa ông với bà H1, ông mới có trách nhiệm trả nhưng do ông H không thực hiện thỏa thuận nên ông không có trách nhiệm trả số tiền này cho ông H. Ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của ông không có cơ sở để xem xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tiền thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V đối với ông Huỳnh Chí Đông H.

Buộc ông Huỳnh Chí Đông H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Ngọc V số tiền 132.000.000đ(Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Chí Đông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.600.000đ(Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng)

H2 lại số tiền tạm ứng án phí 3.300.000đ(Ba triệu, ba trăm ngàn đồng) cho ông Trần Ngọc V theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002342 ngày 15-12-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
-Viện kiểm sát nhân dân TPVT;
- Chi cục thi hành án dân sự TPVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Hoàng Thị Cúc